

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-5-2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Viễn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Thanh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp TL 2, xã TH, huyện CD, thành phố Cần Thơ “có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Lê Bình T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp TL 1, xã TT, huyện CD, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn lại phát sinh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không có cơ hội để đoàn tụ nên chị T xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Lê Thiên A sinh ngày 08/6/2021. Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh T vắng mặt, vụ kiện không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh T vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị T ly hôn với anh T. Con chung giao cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T xác lập hôn nhân năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Quá trình tố tụng, anh T vắng mặt, không có văn bản hay ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị T. Theo chị T trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn biện pháp hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, hiện tại anh chị ai cũng có cuộc sống riêng nên xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị T và anh T là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh, chị có 01 con chung đang sống cùng chị T, anh T không tranh chấp quyền nuôi con nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản: Không có.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Bính T

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thiên A sinh ngày 08/5/2015 cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009173 ngày 09/02/2022.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Minh Viễn**